

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 207/2024/HSST
Ngày 04/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Cúc Phương
2. Ông Lò Văn Hoan

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Minh Thắng - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Đ

- **Đại diện VKSND Thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/10/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 203/2024/HSST ngày 30/8/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2023/QĐXX-HS ngày 11/9/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Quàng Văn D. Bị cáo không có tên gọi khác.

Sinh năm 1968. Tại tỉnh Đ

Nơi ĐKTT: Bản C 1, xã M, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 4/12

Con ông: Quàng Văn É (đã chết), con bà: Quàng Thị L; Gia đình bị cáo có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Lò Thị T, bị cáo có 03 người con. Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 08/01/2024 bị UBND xã M ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày 03/11/1997, bị bắt và khởi tố về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 01/4/1998 được VKSND tỉnh L (nay là tỉnh Đ) ra Quyết định trả tự do, do hành vi chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ trong vụ án này ngày 19/5/2024, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ tên: Lò Văn L. Bị cáo không có tên gọi khác; Giới tính: Nam

Sinh năm 2001, tại tỉnh Điện Biên;

Nơi ĐKTT: Bản P 1, xã M, Thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông: Lò Văn Ú, **sinh năm 1979**; con bà: Lường Thị D, **sinh**

năm 1981; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Lường Thị S, bị cáo có 02 người con; Tiền án: Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính; chưa bị Tòa xét xử: Bị cáo bị bắt tạm giữ trong vụ án này ngày 19/5/2024, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Cầm Văn C. Bị cáo không có tên gọi khác; Giới tính: Nam. Sinh năm: 1998, tại Điện Biên.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Bản P2, xã Mường P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12

Con ông: Cầm Văn H; sinh năm 1971. Con bà: Lường Thị M, **sinh năm 1972**; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân; Chưa bị xử phạt hành chính; chưa bị Tòa án nào xét xử: Bị cáo **bị bắt tạm giữ trong vụ án này** ngày 19/5/2024, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lường Văn B, sinh năm 1983, trú tại bản P 1, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;

Cầm Văn Hả sinh năm 1971, trú tại bản Phăng 2, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; (đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quảng Văn D là người nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng và bán kiếm tiền tiêu sài cá nhân, ngày 13/5/2024, D một mình đi bộ từ nhà tại bản C 1, xã Mường P, thành phố Điện Biên Phủ đến khu vực bản L1, xã Mường P thì gặp và mua được của 01 người đàn ông không quen biết 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá 20.000 đồng. Sau đó D quay về nhà và cất giấu gói ma túy vừa mua được vào túi áo khoác treo tại móc treo đồ trong buồng ngủ nhà D. Tiếp đến vào ngày 15/5/2024, D một mình đi bộ đến bản L 1, xã Mường P thì gặp và mua được của 01 người phụ nữ không quen biết 01 gói nilon màu hồng chứa 40 viên hồng phiến với giá 350.000 đồng. Mua xong D quay về nhà rồi lấy 01 lọ nhựa màu trắng, nắp màu đỏ và chuyển hết số hồng phiến sang lọ nhựa. Từ ngày 17/5/2024 đến ngày 19/5/2024, Du sử dụng hết 07 viên hồng phiến.

Lò Văn L và Cầm Văn C là người nghiện ma túy, sau khi gặp nhau vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/5/2024 tại ngã ba đường dân sinh thuộc bản Cang 2, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên Phủ thì L rủ C góp tiền đi mua ma túy về để cùng sử dụng, C đồng ý và góp 50.000 đồng còn Linh góp 45.000 đồng, tổng là 95.000 đồng đều do L cầm. Sau đó C điều khiển xe mô tô BKS 27B1 - 453.88 chở Linh đến nhà Quảng Văn Du.

Khoảng 16 giờ ngày 19/5/2024, khi D đang ở nhà thì Lường Văn B, trú tại bản Phăng 1, xã Mường P vào hỏi mua ma túy, D đồng ý và bán cho B 02 viên hồng

phiến với giá 35.000 đồng, mua xong B đi tìm nơi sử dụng. Sau khi B đi một lúc, Lò Văn L và Cầm Văn C đến nhà D, C ở ngoài đường chờ còn L vào gặp D để hỏi mua ma túy thì được D bán 01 gói Heroine gói bằng 01 mảnh nilon màu xanh có khối lượng 0,04 gam và 04 viên Methamphetamine được gói bằng mảnh nilon màu hồng có khối lượng 0,38 gam với giá 100.000 đồng nhưng L chỉ đưa cho D 95.000 đồng, khi nhận tiền D không kiểm tra. Mua ma túy xong L ra ngoài gặp C rồi cùng đi tìm nơi để sử dụng ma túy. Cả hai đi cách nhà D khoảng 200 mét thì gặp B đang sử dụng ma túy, L và C không nói gì với B mà ngồi cách B khoảng 01 mét để chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Công an thành phố Đ phát hiện, bắt quả tang. Vào hồi 20 giờ 25 phút cùng ngày, tổ công tác Công an thành phố Đ làm nhiệm vụ tại khu vực bản C 1, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên thì phát hiện bắt quả tang D đang cất giấu trái phép chất ma túy tại nhà của mình, thu giữ 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đỏ bên trong có chứa 27 viên Methamphetamine, khối lượng 2,58 gam cùng với số tiền 125.000 đồng là số tiền còn lại sau khi D bán ma túy cho Lương Văn B và Lò Văn L, trước khi bị bắt D đã tiêu 5.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 0,04 gam Heroine, sau giám định còn lại 0,02 gam; 2,96 gam Methamphetamine, sau giám định còn lại 2,62 gam; 02 chiếc bật lửa gas THONGNHAT màu đỏ đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chiếc ống điều tự chế; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đỏ; 125.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 xe mô tô BKS 27B1- 453.88 kèm 01 chìa khóa.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 19/5/2024 đã xác định: 01 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ khi bắt quả tang của Lò Văn L, Cầm Văn C có khối lượng là 0,09 gam (ký hiệu M1) gửi toàn bộ giám định.

- 03 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ khi bắt quả tang của Lò Văn L, Cầm Văn C có khối lượng là 0,29 gam (ký hiệu M2) gửi toàn bộ giám định. Các cục chất bột màu trắng đục nghi Heroine của Lò Văn L, Cầm Văn C có khối lượng là 0,04 gam (ký hiệu H) gửi toàn bộ giám định.

-**Tại** bản kết luận giám định số 848/KL-KTHS ngày 24/5/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: Vật chứng có ký hiệu là H có khối lượng 0,04 gam là chất ma túy: Loại Heroine.

Vật chứng có ký hiệu M1, M2 có khối lượng 0,38 gam là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Hoàn lại đối tượng giám định H: 0,02gam; M1:0,05 gam; M2: 0,21gam.

-Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 20/5/2024 đã xác định: Các viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ **Quàng Văn D** có khối lượng là 2,58 gam (ký hiệu M) gửi toàn bộ giám định.

-**Tại** bản kết luận giám định số 847/KL-KTHS ngày 24/5/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: Vật chứng có ký hiệu là M của Quàng Văn D gửi giám định có khối lượng 2,58 gam là chất ma túy: Loại Methamphetamine; Hoàn lại đối tượng giám định 2,36 gam.

- **Tại** bản kết luận giám định số 858/KL-KTHS ngày 28/5/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: 11 tờ tiền Việt Nam đồng gửi giám định gồm 02 tờ mệnh giá 20.000đ; 08 tờ mệnh giá 10.000đ và 01 tờ mệnh giá 5.000đ là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 138/CT-VKSĐB ngày 30/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Quảng Văn D về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...b) Phạm tội 02 lần trở lên;”

- Truy tố các bị cáo Lò Văn L và Cầm Văn C về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i **khoản 1** Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Quảng Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251/ BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS

- Xử phạt bị cáo D từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS; Điều 17; Điều 58/BLHS.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn L từ 15 đến 18 tháng tù

- Xử phạt bị cáo Cầm Văn C từ 14 đến 17 tháng tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 2,62 gam Methamphetamine được hoàn lại sau giám định; 0,02 gam Heroine là vật Nhà nước cấm lưu hành; 02 chiếc bật lửa gas THONGNHAT màu đỏ đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 chiếc ống điều tự chế; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đỏ không còn giá trị sử dụng;

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 125.000đ của bị cáo D bán ma túy mà có.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND thành phố Đ không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của các bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Quảng Văn D và Lò Văn L và Chăm Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mọi lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Du thấy rằng:

Ngày 19/5/2024, khi D đã bán cho B 02 viên hồng phiến với giá 35.000 đồng, mua xong Bun đi tìm nơi sử dụng. Sau khi B đi một lúc, Lò Văn L và Chăm Văn C đến nhà D, C ở ngoài đường chờ còn L vào gặp D để hỏi mua ma túy thì được D bán 01 gói Heroine gói bằng 01 mảnh nilon màu xanh có khối lượng 0,04 gam và 04 viên Methamphetamine được gói bằng mảnh nilon màu hồng có khối lượng 0,38 gam với giá 100.000 đồng nhưng Linh chỉ đưa cho D 95.000 đồng, khi nhận tiền D không kiểm tra. Mua ma túy xong L ra ngoài gặp C rồi cùng đi tìm nơi để sử dụng ma túy. Cả hai đi cách nhà D khoảng 200 mét thì gặp B đang sử dụng ma túy. Bị cáo đã bán ma túy 2 lần nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS.

Số ma túy còn lại D cất giấu trái phép 2,58 gam Methamphetamine (gồm 27 viên) trong nhà với mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời nên phải chịu trách nhiệm về tổng khối lượng ma túy bị cáo đã bán cho L và C. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 251/BLHS

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo L và Cg thấy rằng: Do có mối quan hệ là bạn bè quen biết với nhau L đã rủ C cùng góp tiền đi mua ma túy về cùng sử dụng. C đồng ý và góp 50.000 đồng còn L góp 45.000 đồng, tổng là 95.000 đồng đều do L cầm. Sau đó C điều khiển xe mô tô BKS 27B1 – 453.88 chở L đến nhà Quảng Văn D mua được 01 gói Heroine gói bằng 01 mảnh nilon màu xanh có khối lượng 0,04 gam và 04 viên Methamphetamine có khối lượng 0,38 gam với giá 95.000đ. Sau khi mua được ma túy cả 2 tìm chỗ sử dụng, chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS " Có 2 chất ma túy" bị cáo L và C đồng phạm với tính chất giản đơn cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo L và C phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa bàn xã M nói riêng và thành phố Đ nói chung, Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bởi vì ma túy là một hiểm họa của nhân loại, đồng thời ma túy cũng là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác. Chính vì thế mà Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi có liên quan đến ma túy, đặc biệt là việc "Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy", các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ chất, chứa chấp ma túy

là vi phạm pháp luật, song vì hám lời bị cáo D vẫn cố tình thực hiện hành vi mua bán còn bị cáo L và C vì nhu cầu của bản thân nghiện ma túy nên đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp nên cần phải xử lý các bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Quảng Văn D cho thấy: Ngày 08/01/2024 bị UBND xã M ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày 03/11/1997, bị bắt và khởi tố về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đến ngày 01/4/1998 được VKSND tỉnh L cũ (nay là tỉnh Đ) ra Quyết định trả tự do, do hành vi chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, D không có tình tiết tăng nặng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội

Xét đề nghị của đại diện VKS về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[6]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lò Văn L HĐXX thấy rằng: L sinh ra và lớn lên tại xã M, thành phố Đ, học hết lớp 11 thì nghỉ học. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của VKS là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[7]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Chăm Văn C HĐXX thấy rằng: C sinh ra và lớn lên tại xã M, thành phố Đ, học hết lớp 9 thì nghỉ học. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của VKS là phù hợp HĐXX chấp nhận

[8]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251/BLHS là phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy gia đình các bị cáo hoàn cảnh khó khăn không có khả năng thi hành. Cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Xét đối với hành vi của Lương Văn B là người đã mua 02 viên hồng phiến với giá 35.000 của Quảng Văn D, tuy nhiên khi bị phát hiện Bun đã sử dụng hết số ma túy mua được. Cơ quan điều tra đã yêu cầu cơ quan chuyên môn xác định khối lượng chất ma túy, đã có trả lời của Cơ quan giám định là không có cơ sở để xác định khối lượng đối với số ma túy mà Bun đã mua của D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với B về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy với hình thức cảnh cáo HĐXX chấp nhận.

[10]. Đối với người đàn ông và người phụ nữ theo lời khai của D đã bán Heroine và Methamphetamine cho D nhưng do không biết tên và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, làm rõ HĐXX không xem xét.

Đối với ông Cầm Văn H là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 27B1-453.88 do ông Hải không biết việc Cầm Văn C sử dụng xe của ông để đi mua ma túy Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu HĐXX chấp nhận.

[11]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[12]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ 2,62 gam Methamphetamine 0,02 gam Heroine được hoàn lại sau giám định; 01 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đỏ; 01 ống điều tự tạo bằng vỏ chai nhựa màu trắng; 02 chiếc bật lửa ga hiệu Thống nhất;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 125.000đ do bị cáo D bán ma túy mà có

[13]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo Lò Văn L; Cầm Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Quảng Văn D **08** (tám) năm **06** (sáu) tháng tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (19/5/2024)

3. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS; Điều 17; Điều 58/ BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lò Văn L 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (19/5/2024)

4. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS; Điều 17; Điều 58/ BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Cầm Văn C 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (19/5/2024)

5. Vật chứng của vụ án cần áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ 2,62 gam Methamphetamine; 0,02 gam Heroine được hoàn lại sau giám định; 01 mảnh giấy bạc màu trắng; 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu hồng; 01 lọ nhựa màu trắng có nắp màu đỏ; 01 ống điều tự tạo bằng vỏ chai nhựa màu trắng; 02 chiếc bật lửa ga hiệu Thống nhất;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 125.000đ do bị cáo Du bán ma túy mà có. (Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ vào ngày (06/9/2024 mô tả theo biên bản giao nhận).

6. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo Quàng Văn D; Lò Văn L; Cầm Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/9/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/10/2024).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- VKSND TPĐiện B;
- Công an TP Đ;
- Nhà tạm giữ - CATP Đ;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS TP Đ;
- THA hình sự;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên